

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 18

### LUẬN VỀ TRÍ (Phần 10)

Có Sư khác nói: Sắc pháp tuy có nhân đồng loại, mà ở tại thân này chứ không phải là thân khác, tương tự làm nhân chứ không phải là không tương tự. Như phần vị Yết-la-lam của thân này, cùng với Yết-la-lam của thân này là nhân đồng loại cùng với phần vị khác làm duyên chứ không phải là nhân; cho đến phần vị lão của thân này là nhân đồng loại, cùng với phần vị khác làm duyên chứ không phải là nhân. Nếu nói như vậy thì ở trong mỗi nên phần vị, sắc ban đầu không có nhân và sắc sau cuối không có quả. Có người đưa ra cách nói như vậy: Sắc pháp tuy có nhân đồng loại, mà ở tại thân này chứ không phải là thân khác, tương tự làm nhân mà cũng không tương tự, như phần vị Yết-la-lam của thân này, cho đến phần vị lão làm nhân đồng loại: Phần vị Át-bộ-đàm của thân này cùng với phần vị Át-bộ-đàm của thân này, cho đến phần vị lão làm nhân đồng loại, cùng với phần vị Yết-la-lam làm duyên chứ không phải là nhân; cho đến phần vị lão của thân này cùng với phần vị lão của thân này làm nhân đồng loại, cùng với các phần vị trước làm duyên chứ không phải là nhân. Nếu nói như vậy thì phần Yết-la-lam là sắc ban đầu không có nhân, phần vị lão là sắc sau cuối không có quả. Hoặc có người nói: Sắc pháp tuy có nhân đồng loại ở thân này cũng ở thân khác, mà tương tự làm nhân chứ không phải là không tương tự, như phần Yết-la-lam của thân này cùng với Yết-la-lam của thân này và thân khác là nhân đồng loại, cùng với phần vị khác làm duyên chứ không phải là nhân; cho đến phần vị lão của thân này cùng với phần vị lão của thân này và thân khác là nhân đồng loại, cùng với phần vị khác là duyên chứ không phải là nhân.

Lại có người nói: Sắc pháp tuy có nhân đồng loại, ở tại thân này

cũng ở tại thân khác, tương tự làm nhân cũng không tương tự, mà cùng

với phần vị trước chẳng phải là nhân đồng loại, như phần vị Yết-la-lam của thân này cùng với phần vị Yết-la-lam của thân này, cho đến phần vị lão là nhân đồng loại, cũng cùng với phần vị Yết-la-lam cho đến phần vị lão của thân khác là nhân đồng loại; phần vị Át-bộ-đàm của thân này cùng với phần vị Át-bộ-đàm cho đến phần vị lão của thân này là nhân đồng loại, cũng cùng với phần vị Át-bộ-đàm cho đến phần vị lão của thân khác là nhân đồng loại, cùng với phần vị Yết-la-lam làm duyên chứ không phải là nhân; cho đến phần vị lão của thân này cùng với phần vị lão của thân này là nhân đồng loại, cũng cùng với phần vị lão của thân khác là nhân đồng loại, cùng với các phần vị trước làm duyên chứ không phải là nhân. Hoặc lại có người nói: Sắc pháp tuy có nhân đồng loại, ở thân này cũng ở ở thân khác tương tự làm nhân cũng không tương tự, mà cùng với phần vị trước của thân này chẳng phải là nhân, như phần vị Yết-la-lam của thân này cùng với phần vị Yết-la-lam cho đến phần vị lão của thân này là nhân đồng loại, cũng cùng với phần vị Yết-la-lam cho đến phần vị lão của thân khác là nhân đồng loại; phần vị Át-bộ-đàm của thân này cùng với phần vị Át-bộ-đàm cho đến phần vị lão của thân này là nhân đồng loại, cũng cùng với phần vị Yết-la-lam cho đến phần vị lão của thân khác là nhân đồng loại cùng với phần vị Yết-la-lam của thân này làm duyên chứ không phải là nhân; cho đến phần vị lão của thân này cùng với phần vị lão của thân này là nhân đồng loại, cũng cùng với phần vị Yết-la-lam cho đến phần vị lão của thân khác là nhân đồng loại, cùng với phần vị trước của thân này làm duyên chứ không phải là nhân.

**Lời bình:** cần phải đưa ra cách nói như vậy: Mười phần vị của thân khác, mỗi nên phần vị đều cùng với mười phần vị của thân khác và mười phần vị của thân này làm nhân đồng loại; mười phần vị của thân này, mỗi nên phần vị đều cùng với mười phần vị của thân này, và mười phần vị của thân khác làm nhân đồng loại. Pháp đã sinh của phần vị sau cùng với pháp không sinh của phần vị trước cũng làm nhân đồng loại. Như vậy các sắc của phần ngoài cùng hưởng về với nhau là nhân đồng loại, đúng như lý phải nói như vậy.

Lại nữa, năm uẩn thiện lần lượt chuyển tiếp làm nhân đồng loại, năm uẩn nhiễm ô lần lượt chuyển tiếp làm nhân đồng loại, năm uẩn vô phú vô ký cũng lần lượt chuyển tiếp làm nhân đồng loại, bởi vì tánh tương như nhau. Có người nói: Bốn uẩn vô phú vô ký làm nhân đồng loại cho Sắc uẩn vô phú vô ký, Sắc uẩn vô phú vô ký không có thể làm nhân đồng loại cho bốn uẩn vô phú vô ký, bởi vì thế lực yếu kém. Có

người nói: Sắc uẩn vô phú vô ký làm nhân đồng loại cho bốn uẩn vô phú vô ký, bốn uẩn vô phú vô ký không làm nhân đồng loại cho Sắc uẩn vô phú vô ký, bởi vì pháp mạnh hơn không làm nhân cho pháp yếu kém. Có người nói: Bốn uẩn vô phú vô ký không làm nhân đồng loại cho Sắc uẩn vô phú vô ký, Sắc uẩn vô phú vô ký cũng không làm nhân đồng loại cho bốn uẩn vô phú vô ký, bởi vì thế lực và công dụng yếu kém cùng với chủng loại khác nhau, do đó bốn uẩn vô phú vô ký lần lượt chuyển tiếp làm nhân đồng loại. Vô phú vô ký lại có bốn loại:

1. Dị thực sinh.
2. Oai nghi lộ.
3. Công xảo xứ.
4. Thông quả thẩm.

Như thứ tự có thể làm nhân đồng loại cho bốn-ba-hai và nên. Có Sư khác nói: Bốn loại này lần lượt chuyển tiếp làm nhân đồng loại bởi vì cùng chung nên sự ràng và cùng chung nên tánh.

**Lời bình:** Sư kia không nên đưa ra cách nói như vậy, đừng bảo là gia hạnh thiện làm nhân cho nhau, ví thế cách nói trước là hợp lý.

Pháp nhiệm ô có chín phẩm, đó là Hạ hạ-Hạ trung-Hạ thượng, Trung hạ-Trung trung -Trung thượng, Thượng hạ-Thượng trung-Thượng thượng, chín phẩm lần lượt làm nhân đồng loại.

Hỏi: Nếu như vậy thì thế nào là có chín phẩm?

Đáp: Bởi vì đối trị mà có chín phẩm, cho nên pháp nhiệm ô cũng có chín phẩm, nghĩa là tu đạo Hạ hạ đối trị phiền não Thượng thượng, cho đến tu đạo Thượng thượng đối trị phiền não Hạ hạ. Lại nữa, bởi vì hiện hành cho nên cũng có chín phẩm, nghĩa là lúc các phiền não hiện ở trước mắt, hoặc là phẩm Hạ hạ, cho đến hoặc là phẩm Thượng thượng. Các pháp bất thiện cũng do dị thực có chín phẩm cho nên kiến lập chín phẩm. Pháp thiện có hai loại:

1. Sinh đắc thiện.
2. Gia hạnh thiện.

Sinh đắc thiện làm nhân đồng loại cho sinh đắc thiện, cũng làm nhân đồng loại cho gia hạnh thiện. Gia hạnh thiện làm nhân đồng loại cho gia hạnh thiện, chứ không phải là sinh đắc thiện, bởi vì pháp ấy yếu kém. Có người nói: Hai pháp thiện này lần lượt chuyển tiếp làm nhân đồng loại, bởi vì cùng chung nên sự ràng buộc và cùng chung nên tánh.

**Lời bình:** Người ấy không nên đưa cách nói như vậy, đừng bảo là tu gia hạnh lui sụt mà hưởng về pháp yếu kém, cho nên cách nói trước

đối với lý là thích hợp.

Có người nói: Pháp thiện có ba loại:

1. Gia hạnh thiện.
2. Ly nhiễm thiện.
3. Sinh đắc thiện.

Trong này sinh đắc thiện làm nhân đồng loại cho ba loại: ly nhiễm thiện làm nhân đồng loại cho hai loại, chứ không có sinh đắc thiện, bởi vì pháp ấy yếu kém. Gia hạnh thiện làm nhân đồng loại cho gia hạnh thiện, chứ không phải là hai pháp còn lại, bởi vì hai pháp ấy đều yếu kém. Pháp sinh đắc thiện lại có chín phẩm, đó là Hạ hạ cho đến Thượng thượng, chín phẩm lần lượt chuyển tiếp làm nhân đồng loại.

Hỏi: Nếu như vậy thì thế nào là có chín phẩm?

Đáp: Bởi vì hiện hành mà có chín phẩm. Lại nữa, bởi vì dị thực cho nên có chín phẩm. Ly nhiễm thiện và gia hạnh thiện cũng đều có chín phẩm, đó là Hạ hạ cho đến Thượng thượng. Trong này Hạ hạ làm nhân đồng loại cho chín phẩm, Hạ trung làm nhân đồng loại cho tám phẩm, cho đến Thượng thượng chỉ làm nhân đồng loại cho Thượng thượng. Hai phẩm này chỉ làm nhân cho pháp bằng nhau hoặc hơn hẳn chứ không phải là pháp yếu kém - Pháp gia hạnh thiện lại có ba loại:

1. Do Văn mà thành.
2. Do Tư mà thành.
3. Do Tu mà thành.

Pháp thiện do Văn mà thành làm nhân đồng loại cho ba loại. Pháp thiện do Tư mà thành chỉ làm nhân đồng loại cho pháp thiện do Tư mà thành, chứ không phải là do Văn mà thành bởi vì pháp đó yếu kém, không phải là do Tu mà thành bởi vì pháp đó yếu kém, và bởi vì Giới khác nhau. Pháp thiện do Tu mà thành lại có bốn loại, đó là Noãn-Đảnh- Nhẫn và Thế đệ nhất pháp. Như thứ tự có thể làm nhân bốn đồng loại cho bốn-ba-hai-nên, nghĩa giải thích như trước. Tâm thông quả của cõi Dục có bốn loại, đó là quả tĩnh lự thứ nhất cho đến quả tĩnh lự thứ tư. Như vậy bốn loại như thứ tự có thể làm nhân đồng loại cho bốn-ba-hai-nên. Có người nói: Bốn loại này không phải là làm nhân cho nhau như tĩnh lự. Có người nói: Bốn loại này lần lượt chuyển tiếp làm nhân, bởi vì cùng chung nên sự ràng buộc và cùng chung nên tánh.

**Lời bình:** Cách nói thứ nhất là hợp lý, bởi vì cùng chung nên phạm vi và do gia hạnh sinh ra. Các tâm thông quả như tĩnh lự thứ nhất... nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Tĩnh lự thứ nhất có các thức thân, có tâm biến hóa làm nhân

cho nhau hay không?

Đáp: Các thức thân làm nhân đồng loại cho tâm biến hóa, tâm biến hóa không làm nhân đồng loại cho thức thân, bởi vì tâm ấy yếu kém. Dựa vào các nghĩa trước đây, cần phải làm thành hỏi-đáp.

Hỏi: Có thể có pháp sinh trước chẳng phải là nhân đồng loại của pháp sinh sau chăng?

Đáp: Có, đó là Giới không giống nhau.

Hỏi: Có thể có Giới giống nhau mà pháp sinh trước không phải là nhân đồng loại của pháp sinh sau chăng?

Đáp: Có, đó là Địa không giống nhau.

Hỏi: Có thể có Địa giống nhau mà pháp sinh trước không phải là nhân đồng loại của pháp sinh sau chăng?

Đáp: Có, đó là hữu lậu đối với vô lậu, vô lậu đối hữu lậu.

Hỏi: Có thể có pháp hữu lậu sinh trước mà không phải là nhân đồng loại của pháp hữu lậu sinh chăng?

Đáp: Có, đó là Bộ không giống nhau, hoặc là tánh không giống nhau, hoặc là hơn hẳn đối với thua kém; pháp vô lậu sinh trước đối với pháp vô lậu sinh sau, không phải là nhân đồng loại, đó gọi là hơn hẳn đối với thua kém.

Hỏi: Các nhân đồng loại, nếu như Dữ quả ( thành tựu quả ) thì cũng là Thủ quả ( dẫn đến quả ) chăng?

Đáp: Nếu như Dữ quả thì chắc chắn cũng là Thủ quả, nếu không Thủ quả thì làm sao Dữ quả? Hoặc có Thủ quả mà không Dữ quả, nghĩa là các uẩn cuối cùng của A-la-hán, đây là nói tổng quát. Nếu nói tách biệt thì dựa vào thiện - bất thiện - hữu phú vô ký - vô phú vô ký, có nhiều loại bốn câu phân biệt.

Hỏi: nhân đồng loại của thiện, nếu lúc Thủ quả thì cũng là Dữ quả chăng?

Đáp: Nên làm thánh bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Thủ quả mà chẳng phải là Dữ quả, nghĩa là lúc đoạn thiện căn, cuối cùng do rời bỏ mà đạt được.

2. Có lúc Dữ quả mà chẳng phải là Thủ quả, nghĩa là lúc nối tiếp thiện căn thì trú vào quá khứ, do rời bỏ mà đạt được thiện.

3. Có lúc Thủ quả cũng là Dữ quả, nghĩa là không đoạn thiện căn đối với những phần vị khác.

4. có lúc không Thủ quả cũng không Dữ quả, nghĩa là trừ những tướng trước.

Hỏi: Nhân đồng loại của bất thiện, nếu lúc Thủ quả thì cũng là

Dữ quả chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Thủ quả mà chẳng phải là Dữ quả, nghĩa là lúc lia dục nhiệm, cuối cùng do rời bỏ mà đạt được.

2. Có lúc Dữ quả mà chẳng phải là Thủ quả, nghĩa là lúc lui sụt sự lia dục nhiệm liền trú vào quá khứ, do rời bỏ mà mắc phải bất thiện.

3. Có lúc Thủ quả cũng là Dữ quả, nghĩa là chưa lia dục nhiệm đối với những phần vị khác.

4. Có lúc không Thủ quả cũng không Dữ quả, nghĩa là trừ những tướng trước.

Hỏi: Nhân đồng loại của hữu vô phú vô ký, nếu lúc Thủ quả thì cũng là Dữ quả chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Thủ quả mà chẳng phải là Dữ quả, nghĩa là lúc lia dục nhiệm của Phi tướng Phi Phi tướng xứ, cuối cùng do rời bỏ mà đạt được;

2. Có lúc Dữ quả mà chẳng phải là Thủ quả, nghĩa là lúc lui sụt sự lia nhiệm của Phi tướng Phi Phi tướng xứ, liền trú vào quá khứ do rời bỏ mà có được hữu phú vô ký.

3. Có lúc Thủ quả cũng là Dữ quả, nghĩa là chưa lia nhiệm của phi tướng Phi Phi tướng xứ đối với những phần vị khác.

4. Có lúc không Thủ quả cũng không Dữ quả, nghĩa là trừ những tướng trước.

Hỏi: Nhân đồng loại của vô phú vô ký, nếu lúc Thủ quả thì cũng là Dữ quả chẳng?

Đáp: Nếu lúc Dữ quả thì chắc chắn cũng là Thủ quả. Có lúc Thủ quả mà chẳng phải là Dữ quả, nghĩa là các uẩn cuối cùng của A-la-hán. Đã dựa vào thành tựu để phân biệt về sự sai biệt của Thủ quả và Dữ quả, nay dựa vào hiện hành để phân biệt về sự sai biệt của Thủ quả và Dữ quả. Lại nữa đã dựa vào pháp không tương ứng để phân biệt về sự sai biệt của Thủ quả và Dữ quả, nay dựa vào pháp tương ứng để phân biệt về sự sai biệt của Thủ quả và Dữ quả.

Hỏi: Nhân đồng loại của thiện, nếu lúc Thủ quả thì cũng là Dữ quả chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc có Thủ quả mà không phải là Dữ quả, nghĩa là tâm thiện vô gián, tâm bất thiện và vô ký hiện ở trước mắt.

2. Có lúc Dữ quả mà không phải là Thủ quả, nghĩa là tâm bất

thiện và vô ký vô gián, tâm thiện hiện ở trước mắt, liền trú vào tâm thiện do quá khứ mà gián đoạn.

3. Có lúc Thủ quả mà cũng là Dữ quả, nghĩa là phần vị tâm thiện nối tiếp nhau không gián đoạn.

4. Có lúc không Thủ quả cũng không Dữ quả, nghĩa là trừ những tướng trước.

Hỏi: Nhân đồng loại của bất thiện, nếu lúc Thủ quả thì cũng là Dữ quả chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Thủ quả thì cũng là Dữ quả, nghĩa là tâm bất thiện vô gián, tâm thiện và vô ký hiện ở trước mắt.

2. Có lúc Dữ quả mà không phải là Thủ quả, nghĩa là tâm thiện và vô ký vô gián, tâm bất thiện hiện ở trước mắt, liền trú vào tâm bất thiện do quá khứ mà gián đoạn.

3. Có lúc Thủ quả cũng là Dữ quả, nghĩa là phần vị tâm bất thiện nối tiếp nhau không gián đoạn.

4. Có lúc không Thủ quả cũng không Dữ quả, nghĩa là trừ những tướng trước.

Hỏi: Nhân đồng loại của hữu phú vô ký, nếu lúc Thủ quả thì cũng là Dữ quả chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Thủ quả mà không phải là Dữ quả, nghĩa là tâm hữu phú vô ký vô gián, tâm thiện - bất thiện và vô phú vô ký hiện ở trước mắt.

2. Có lúc Dữ quả mà không phải là Thủ quả, nghĩa là tâm thiện - bất thiện và vô phú vô ký vô gián, tâm hữu phú vô ký hiện ở trước mắt, liền trú vào tâm hữu phú vô ký do quá khứ mà gián đoạn.

3. Có lúc Thủ quả cũng là Dữ quả, nghĩa là phần tâm hữu phú vô ký nối tiếp nhau không gián đoạn.

4. Có lúc không Thủ quả cũng không Dữ quả, nghĩa là trừ những tướng trước.

Hỏi: Nhân đồng loại của vô phú vô ký, nếu lúc Thủ quả thì cũng là Dữ quả chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Thủ quả mà không phải là Dữ quả, nghĩa là tâm vô phú vô ký vô gián, tâm thiện nhiễm ô hiện ở trước mắt.

2. Có lúc Dữ quả mà không phải là Thủ quả, nghĩa là tâm thiện nhiễm ô vô gián, tâm vô phú vô ký hiện ở trước mắt, liền trú vào tâm vô phú vô ký do quá khứ mà gián đoạn.



3. Có lúc Thủ quả cũng là Dữ quả, nghĩa là phần vị tâm vô phú vô ký nối tiếp nhau không gián đoạn.

4. Có lúc không Thủ quả cũng không Dữ quả, nghĩa là trừ những tướng trước.

Đã dựa vào tương tục để phân biệt về sự sai biệt của Thủ quả và Dữ quả, nay dựa vào sát-na để phân biệt về sự sai biệt của Thủ quả và Dữ quả, nghĩa là sau nên sát-na của tâm, có hai mươi sát-na của tâm vô gián mà dấy khởi, trong đó có thể làm thành bốn câu phân biệt. Tam thời phân biệt về nhân đồng loại của thiện: Câu thứ nhất, nghĩa là lúc tâm thiện ở sát-na đầu tiên hiện đang trước mắt, trừ ra tâm thiện ở sát-na thứ hất hướng về tâm thiện ở mười chín sát-na sau. Câu thứ hai, nghĩa là lúc tâm thiện ở mười chín sát-na sau hiện đang trước mắt, liên trú vào tâm thiện đầu tiên ở quá khứ. Câu thứ ba, nghĩa là ngay lúc tâm thiện đầu tiên hiện đang trước mắt, hướng về tâm thiện ở sát-na thứ nhất. Câu thứ tư, nghĩa là trừ những tướng trước.

Như bốn câu phân biệt về nhân đồng loại của thiện, nhân đồng loại của bất thiện - hữu phú vô ký - vô phú vô ký, tùy theo những sự thích hợp mà có bốn câu phân biệt cũng như vậy.

Hỏi: Có thể có ngay trong nên sát-na, hoặc được nhân đồng loại mà không được nhân của nó, hoặc được nhân của nó mà không được nhân đồng loại, hoặc được nhân đồng loại mà cũng được nhân của nó, hoặc không được nhân đồng loại mà cũng không được nhân của nó chăng?

Đáp: Có, nghĩa là lúc từ quả Sa-môn phía trên lui sụt tú vào quả Dự lưu. Có bốn câu phân biệt về điều này:

1. Được nhân đồng loại mà không được nhân của nó, nghĩa là lúc bấy giờ đạt được Đạo loại trí ở sát-na thứ nhất trong quá khứ, mà không đạt được nhân của nó, bởi vì không đạt được Kiến đạo.

2. Đạt được nhân của nó mà không đạt được nhân đồng loại, nghĩa là lúc bấy giờ đạt được quả Dự lưu thuộc khứ, mà không đạt được đạo quả hơn hẳn Dự lưu thuộc quá khứ, bởi vì đạo quả hơn hẳn Dự lưu dùng quả Dự lưu làm nhân, làm nhân đồng loại cho quả Sa-môn phía trên.

3. Đạt được nhân đồng loại mà cũng đạt được nhân của nó, nghĩa là lúc bấy giờ đạt được quả Dự lưu quá khứ, trừ ra sát-na thứ nhất còn lại các sát-na nối tiếp với quả Dự lưu.

4. Không đạt được nhân đồng loại mà cũng không đạt được nhân của nó, nghĩa là trừ những tướng trước.

Hỏi: Có thể có trong nên sát-na, hoặc biết nhân đồng loại mà

không biết sở duyên của nó, hoặc biết sở duyên của nó mà không biết nhân đồng loại, hoặc biết nhân đồng loại mà cũng biết sở duyên của nó, hoặc không biết nhân đồng loại mà cũng không biết sở duyên của nó chẳng?

Đáp: Có, nghĩa là lúc trong Kiến đạo với Đạo pháp trí, có bốn câu phân biệt về điều này:

1. Biết nhân đồng loại mà không biết sở duyên của nó, nghĩa là lúc bấy giờ biết quá khứ duyên với ba phẩm Pháp trí của Khổ - Tập và Diệt.

2. Biết sở duyên của nó mà không biết nhân đồng loại, nghĩa là biết bốn phẩm pháp trí của vị lai.

3. Biết nhân đồng loại mà cũng biết sở duyên của nó, nghĩa là biết ba phẩm Đạo trí - Pháp trí - Nhẫn trí của quá khứ.

4. Không biết nhân đồng loại mà cũng không biết sở duyên của nó, nghĩa là trừ những tướng trước.

Hỏi: Năng lực của nhân đồng loại có tăng - giảm hay không?

Đáp: Có, nghĩa là nếu huân tập lâu thì năng lực của nhân tăng lên, nếu không huân tập lâu dài hoặc gặp phải tổn hại thì năng lực của nhân giảm bớt. Vả lại, năng lực của nhân trong pháp bất thiện tăng lên, như Tỳ kheo Mê-kỳ-ca đã từng tu tập tĩnh lự trong nên khu rừng, ngồi dưới nên tán cây, thì Dục tâm (tâm sở của Dục) hiện khởi làm cho tâm sinh chán ngán buồn lo; liền rời bỏ nơi này đến ngồi dưới tán cây khác Sân tâm (tâm sở của Sân) lại khởi lên làm cho tâm sinh chán ngán buồn lo; lại rời bỏ nơi này đến ngồi dưới tán cây khác, Hại tâm (tâm sở của Hại) lại khởi lên. Bởi vì Tỳ kheo ấy đã từng ở tại nơi này làm vị Đại Quốc Vương, hoặc ở tại nơi này tự mình vui thú với năm sự vui sướng, thọ nhận các thứ dục lạc, nay ngồi ở nơi đó liền khởi lên Dục tâm; hoặc ở tại nơi này chém đứt tay - chân - đầu - cổ của chúng sinh, nay đến ngồi ở nơi đó liền khởi lên Sân tâm; hoặc ở tại nơi này sai khiến chúng sinh, làm những sự việc khó nhọc, giam cầm - trói cột - đánh đập, nay đến ngồi ở nơi đó liền khởi lên Hại tâm.

Tôn giả A-nan đi vào thành khất thực, cô gái Ma-đăng-già trông thấy đã sinh lòng tham đắm, liền đi theo ngắm nhìn chứ không thể nào rời xa được. Cô gái này trong năm trăm đời quá khứ làm vợ của A-nan, cho nên nay vừa trông thấy liền khởi lên Dục tâm, đi theo không rời xa.

Những sự việc như vậy đều do năng lực của nhân quá khứ tăng lên, hoặc có năng lực của nhân tăng lên do các phiền não huân tập

trong hiện đại, đồng loại và dị loại lần lượt chuyển tiếp sinh khởi lẫn nhau. Như pháp bất thiện, pháp thiện và vô ký nên biết cũng như vậy. Như Thi-bạt-la huân tập bố thí trải qua đời kiếp lâu xa, cho nên vừa mới sinh ra liền thưa với cha mẹ rằng: Nay trong nhà này có tiền bạc châu báu gì, con muốn đem giúp cho những người nghèo khổ! Những sự việc như vậy, nói rộng ra như trong kinh.

Hỏi: Nhân đồng loại lấy gì làm tự đánh?

Đáp: Tất cả pháp hữu vi trong quá khứ và hiện tại. Đã nói về tự đánh, cho nên nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là nhân đồng loại, đồng loại là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về chủng loại như nhau là nghĩa của đồng loại, nghĩa về Giới - Địa như nhau là nghĩa của đồng loại, nghĩa về Bộ loại như nhau là nghĩa của đồng loại. Nhân đồng loại này chỉ nối thông hai đời quá khứ và hiện tại, có quả Đẳng lưu.

Thế nào là nhân biến hành? Cho đến nói rộng ra...

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác mà biểu hiện chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Tất cả phiền não đều là biến hành. Vì ngăn chặn cái chấp ấy, mà biểu hiện các phần phiền não có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành. Hoặc lại có người chấp: Năm bộ phiền não đều có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành. Vì ngăn chặn cái chấp ấy, mà biểu hiện chỉ riêng phần nào do kiến Khổ - Tập mà đoạn, có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành. Hoặc lại có người chấp: Tất cả phiền não do kiến Khổ - Tập mà đoạn đều là biến hành, tất cả phiền não do kiến Diệt - Đạo mà đoạn đều là duyên vô lậu. Vì ngăn chặn cái chấp ấy, để biểu hiện phần nào do kiến Khổ - Tập mà đoạn, có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành; phiền não do kiến Diệt - Đạo mà đoạn, có loại duyên với hữu lậu, có loại duyên với vô lậu. Hoặc lại có người chấp: Nếu các phiền não nối thông với ba cõi thì chúng đều là biến hành. Vì ngăn chặn cái chấp ấy, mà biểu hiện các phiền não nối thông với ba cõi, có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành. Hoặc lại có người chấp: Biến hành có hai loại, nên là Vô minh, hai là Hữu ái. Như phái Thí Dụ, họ đưa ra cách nói này: Căn bản của duyên khởi gọi là biến hành, Vô minh là căn bản của duyên khởi trong thời gian trước, Hữu ái là căn bản của duyên khởi ở thời gian sau này, cho nên đều là biến hành. Vì ngăn chặn cái chấp ấy, mà biểu hiện Vô minh có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành, Hữu ái thì luôn luôn không phải là biến hành. Hoặc lại

có người chấp: Nếu các phiền não nổi thông cả năm Bộ thì gọi là biến hành, tức là vô minh và tham - sân - mạn. Vì ngăn chặn cái chấp ấy, mà biểu hiện vô minh có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành, tham - sân và mạn thì luôn luôn không phải là biến hành. Hoặc lại có người chấp: Năm pháp là biến hành, đó là vô minh - ái - kiến - mạn và tâm. Như pháp Phân Biệt Luận, vốn có bài tụng về cái chấp của họ:

Có năm pháp đều là biến hành, có thể phát sinh mọi nỗi khổ,  
Nghĩa là vô minh - ái - kiến - mạn, cùng với tâm là năm biến hành.

Vì ngăn chặn cái chấp ấy, mà biểu hiện vô minh và kiến có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành, ba loại còn lại thì luôn luôn không phải là biến hành. Bởi vì ngăn chặn các loại chấp trước sai khác như vậy, để biểu hiện rõ ràng chánh lý, cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Thế nào là nhân biến hành?

Đáp: Tùy miên biến hành của đời trước do kiến Khổ mà đoạn, làm nhân biến hành cho tùy miên của tự giới ở đời sau do kiến - Tập - Diệt - Đạo - Tu mà đoạn và pháp tương ứng. Tùy miên biến hành của quá khứ do kiến Khổ mà đoạn, làm nhân biến hành cho tùy miên của tự giới ở vị lai và hiện tại do kiến Tập - Diệt - Đạo - Tu mà đoạn cùng với pháp tương ứng. Tùy miên biến hành của hiện tại do kiến khổ mà đoạn, làm nhân biến hành cho tùy miên của tự giới ở vị lai do kiến Tập - Diệt - Đạo - Tu mà đoạn cùng với pháp tương ứng. Như do kiến Khổ mà đoạn, do kiến Tập mà đoạn cũng như vậy, đó gọi là nhân biến hành.

Hỏi: Trong này vì sao không nói đến quá khứ làm nhân biến hành cho quá khứ vậy?

Đáp: Bởi vì nói đến đời trước và đời sau thì đã nói đến điều ấy rồi.

Hỏi: Vì sao không nói ngay tên gọi của quá khứ?

Đáp: Bởi vì muốn biểu hiện pháp sau chẳng phải là nhân của pháp trước. Nếu nói quá khứ làm nhân biến hành cho quá khứ, thì có lẽ có người sinh nghi trong quá khứ có pháp sau cùng làm nhân cho pháp trước; nếu nói đời trước làm nhân biến hành cho đời sau, thì mối nghi này liền chấm dứt. Có người nói: Văn này muốn biểu hiện quá khứ có nghĩa trước-sau, nếu nói quá khứ làm nhân biến hành cho quá khứ, thì có lẽ có người sinh nghi các pháp quá khứ cùng lúc lần lượt chuyển tiếp làm nhân biến hành; nếu nói đời trước làm nhân biến hành cho đời sau, thì mối nghi này liền chấm dứt.

Hỏi: Tự Bộ đối với tự Bộ có nhân biến hành hay không? Giả sử

như vậy thì có gì sai? Nếu có thì tại sao trong này không nói? Nếu không có thì tại sao đối với Bộ khác lại có mà Bộ của mình không có vậy?

Đáp: Nên nói là cũng có.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong này không có?

Đáp: Cũng cần phải nói mà không nói đến là có ý nghĩa khác, bởi vì muốn thành lập về nghĩa không thành tựu. Nghĩa là đối với Bộ của mình có nhân biến hành, không nói mà tự nhiên thành, cho nên không cần phải nói đến; nếu đối với Bộ khác có nhân biến hành, thì nghĩa ấy không thành tựu, cho nên cần phải nói đến. Có người nói: Bởi vì biểu hiện nhân biến hành không hề lẫn tạp, nghĩa là đối với Bộ của mình có hai loại nhân, đó là nhân biến hành và nhân đồng loại, nghĩa ấy tạp loạn cho nên không nói đến; nếu đối với Bộ khác chỉ có nên nhân, đó là nhân biến hành thì nghĩa không có gì tạp loạn, cho nên chỉ nói đến điều ấy. Lại nữa, bởi vì biểu hiện môn tăng trưởng không hề lẫn tạp, nghĩa là đối với hai môn tăng trưởng của Bộ mình, đó là môn của nhân đồng loại và môn của nhân biến hành, nghĩa ấy tạp loạn cho nên không nói đến; nếu đối với Bộ khác thì chỉ có nên môn tăng trưởng, đó là môn của nhân biến hành, vì nghĩa không có gì tạp loạn, cho nên chỉ nói đến điều ấy.

Hỏi: Vì sao những đời trước chỉ nói đến tùy miên, những đời sau thì nói gồm cả pháp tương ứng?

Đáp: Những đời trước cũng cần phải nói đến pháp tương ứng mà không nói, thì nên biết rằng điều này có cách nói khác. Lại nữa, vì ngăn chặn ý của Sa-môn tương tự nối tiếp nhau, họ đưa ra cách nói này: Tùy miên biến hành chỉ làm nhân biến hành cho tùy miên, pháp tương ứng kia chỉ làm nhân biến hành cho pháp tương ứng với tùy miên. Vì ngăn chặn ý ấy, để biểu hiện tùy miên biến hành làm nhân biến hành cho tùy miên và pháp tương ứng, pháp tương ứng kia làm nhân biến hành cho pháp tương ứng với tùy miên và tùy miên, cho nên đưa ra cách nói như vậy.

Hỏi: tùy miên biến hành, đối với các tùy miên cùng có pháp như nhau, cũng là nhân biến hành hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu cũng là nhân biến hành thì tại sao trong này không nói? Nếu như không phải là nhân biến hành, thì tại sao đối với pháp tương ứng là phải, mà đối với pháp cùng có như nhau lại không phải?

Đáp: Nên nói cũng là nhân biến hành, bởi vì đều làm nhân biến hành cho tất cả pháp nhiễm ô.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong này không nói?

Đáp: Bởi vì pháp tương ứng kia và tùy miên ấy cùng chung nên

sở duyên - cùng chung nên hành tướng, rất gần gũi với nhau, cho nên nói đến nó, sinh... thì không như vậy cho nên không nói đến. Tự Giới thì nghĩa là cõi Dục chỉ làm nhân biến hành cho cõi Dục, cõi Sắc - Vô sắc nên biết cũng như vậy. Như nói về tự giới, tự địa cũng như vậy, bởi vì sự ràng buộc khác nhau, nghĩa là tính lự thứ nhất chỉ làm nhân biến hành cho tính lự thứ nhất, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ nên biết cũng như vậy. Ở trong tự địa thì xứ khác nhau-bộ khác nhau, cũng có thể lần lượt chuyển tiếp làm nhân biến hành, bởi vì sự ràng buộc như nhau. Lại nói về quá khứ..., bởi vì muốn biểu hiện Thể của quá khứ và vị lai là thật có, hiện tại là hữu vi. Như nói về do kiến Khổ mà đoạn, do kiến Tập mà đoạn cũng như vậy, bởi vì thể tương tự với nhau.

Hỏi: Tùy miên biến hành lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Cõi Dục có mười nên, nghĩa là do kiến Khổ mà đoạn năm kiến - nghi và vô minh, do kiến Tập mà đoạn tà kiến - kiến thủ - nghi và vô minh; Cõi Sắc và Vô sắc đều có mười nên, nên biết cũng như vậy. Trong này nói vô minh, nghĩa là năm kiến tương ứng với nghi và bất cộng vô minh. Trong luận Phẩm Loại Túc nói: “Trong chín mươi tám tùy miên, ba mươi ba loại là biến hành, sáu mươi lăm loại không phải là biến hành.”

Hỏi: Vô minh do kiến Khổ - Tập mà đoạn, có loại là biến hành có loại không phải là biến hành, tại sao luận ấy nói có ba mươi ba loại là biến hành - sáu mươi lăm loại không phải là biến hành?

Đáp: Tôn giả Tây Phương đã nói trong bản tụng: “Trong chín mươi tám tùy miên có hai mươi bảy loại là biến hành, sáu mươi lăm loại không phải là biến hành, sáu loại cần phải phân biệt, đó là vô minh do kiến Khổ - Tập mà đoạn, có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành. Thế nào là biến hành? Nghĩa là do kiến Khổ - Tập mà đoạn, không phải là tùy miên biến hành không tương ứng với vô minh. Thế nào là không phải biến hành? Nghĩa là do kiến Khổ - Tập mà đoạn, không phải là tùy miên biến hành tương ứng với vô minh.” Như vậy đã nói về biến hành đối với nghĩa là thích hợp. Nếu nói như vậy: Thế nào là biến hành? Nghĩa là tùy miên biến hành do kiến Khổ - Tập mà đoạn, tương ứng với vô minh, thì sẽ không thấu nhiếp bất cộng vô minh. Vì vậy, Tôn giả kia nói đối với nghĩa là thích hợp.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao các Sư ở nước Ca-thấp-di-la không đưa ra tụng này?

Đáp: cũng cần phải đưa ra tụng này, nhưng mà không như vậy là có ý nghĩa khác, bởi vì tùy miên kia phần nhiều là biến hành. Nghĩa là

do kiến Khổ mà đoạn có mười loại vô minh, trong đó bảy loại là biến hành tức là năm kiến tương ứng với nghi và bất cộng vô minh, ba loại không phải là biến hành tức là tham-sân-mạn tương ứng với vô minh; do kiến Tập mà đoạn có bảy loại vô minh, trong đó bốn loại là biến hành tức là hai kiến tương ứng với nghi và bất cộng vô minh, ba loại không phải là biến hành tức là tham - sân - mạn tương ứng với vô minh. Và lại, bài tụng của nước này nói ba ba loại là biến hành, sáu mươi lăm loại không phải là biến hành, thì vô minh đều nói là bất cộng vô minh, bởi vì biến hành hay không phải là biến hành đều do tự lực dấy khởi. Tùy miên tương ứng với vô minh có tám mươi ba loại, nghĩa là hai mươi bảy biến hành và năm mươi sáu không phải là biến hành. Tùy miên tương ứng với vô minh tùy theo tha lực, bởi vì hiện ở trước mắt cho nên nói là tương ứng, tức là cũng nói về tánh của nó không nhất định, cho nên không nói riêng biệt về nó.

Đã nói về tự tánh, cho nên nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là tùy miên biến hành, biến hành là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa về tất cả các duyên là nghĩa của biến hành, nghĩa về duyên vào năng lực duy trì là nghĩa của biến hành. Duyên vào năng lực duy trì là bởi vì có thể duyên với nhiều loại. Lại nữa, tất cả vốn có, tất cả dấy khởi tất cả, cho nên gọi là biến hành. Tất cả thứ nhất, nghĩa là từ vô thủy đến nay sinh khởi đầy đủ chín phẩm; tất cả thứ hai, nghĩa là từ vô thủy đến nay tất cả hữu tình không có gì không sinh khởi; tất cả thứ ba, nghĩa là từ vô thủy đến nay duyên phấp nơi mà sinh khởi tất cả mọi pháp hữu lậu. Trong luận Thi Thiết nói như vậy: “Không dị sinh nào từ đời kiếp lâu xa đến nay, đối với pháp hữu lậu mà không chấp làm ngã, hoặc chấp ngã sở, hoặc chấp đoạn - thường, hoặc bài bát là không có, hoặc chấp là thanh tịnh - giải thoát - xuất ly, hoặc chấp là tôn quý - hơn hẳn - bậc nhất, hoặc khởi lên nghi ngờ do dự, hoặc khởi lên ngu si tối tăm không biết gì. Vì vậy, tất cả vốn có - tất cả dấy khởi tất cả, cho nên gọi là biến hành. Lại nữa, nếu như lúc pháp hiện ở trước mắt trong khoảng nên sát-na, có thể duyên với năm Bộ làm nhân của năm Bộ, khiến cho pháp của năm Bộ ngu đại đối với sở duyên, thì gọi là biến hành”.

Hỏi: Tùy miên biến hành làm sao khiến cho pháp duyên vô lậu kia ngu đại đối với sở duyên?

Đáp: Nếu chấp ngã... là pháp vốn như vậy thì bài bát, ngã diệt mất pháp đối trị trước là ở trong sự ngu đại, sau đó đối với sự việc ấy bài bát là không có. Lại nữa, nếu như lúc pháp hiện ở trước mắt trong

khoảng nên sát-na, có thể duyên với năm Bộ làm nhân của năm Bộ, đối với pháp của năm Bộ thấy đều tùy tăng, thì gọi là biến hành.

Hỏi: Tùy miên biến hành tương ứng với pháp với câu hữu (cùng có), cũng là nhân biến hành hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu cũng là nhân biến hành thì tại sao chỉ nói ba mươi ba loại là biến hành? Nếu không phải là nhân biến hành thì tại sao tương ứng với pháp câu hữu, có loại là nhân biến hành, có loại không phải là nhân biến hành?

Đáp: Có người nói như vậy: Tùy miên ấy không phải là nhân biến hành.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao tương ứng với pháp câu hữu, có loại là nhân biến hành, có loại không phải là nhân biến hành?

Đáp: Như tương ứng với pháp câu hữu, có loại là tùy miên, có loại không phải là tùy miên; như vậy tương ứng với pháp câu hữu, có loại là nhân biến hành, có loại không phải là nhân biến hành, nào có sai lầm gì?

**Lời bình:** Cần phải đưa ra cách nói như vậy: Tùy miên ấy cũng là nhân biến hành, bởi vì nghĩa của nhân nối thông với nhau, bởi vì tương ứng với câu hữu cùng chung nên quả.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao chỉ nói ba mươi ba loại là biến hành?

Đáp: Bởi vì luận ấy chỉ muốn phân biệt trong chín mươi tám tùy miên, có mấy loại là biến hành, ấy loại không phải là biến hành, chứ không nói tổng quát là nghĩa của nhân biến hành, cho nên không trái ngược nhau. Lại nữa, tùy miên - biến hành có đủ ba điều kiện cho nên gọi là biến hành: 1- Tùy tăng khắp nơi đối với pháp của năm Bộ; 2- Có thể duyên khắp nơi đối với pháp của năm Bộ; 3- Làm nhân khắp nơi đối với pháp của năm Bộ. Vì vậy chỉ nói đến nó. Pháp tương ứng kia chỉ có hai điều kiện, trừ ra tùy tăng khắp nơi; pháp câu hữu kia chỉ có nên điều kiện, đó là làm nhân khắp nơi, cho nên không nói đến có. Hỏi: Tùy miên- biến hành... đạt được cũng là nhân biến hành hay không? Đáp: Tôn hoa giả Tăng-già - phiệt - tô giải thích rằng: “Nếu biến hành đạt được không phải là biến hành, thì không phải là biến hành đạt được thuận theo theo là biến hành, cho nên biến hành đạt được cũng là nhân biến hành. Lời chất vấn ấy không hợp lý, như sắc đạt được đã không phải là sắc, không phải là sắc đạt được thì lẽ nào là sắc? Vì vậy, biến hành đạt được không phải là nhân biến hành, đối với lý là thích hợp”.

Hỏi: Vì sao các tướng của biến hành như sinh... là nhân biến hành,



mà tướng đạt được ấy không phải là biến hành?

Đáp: Bởi vì các tướng như sinh... cùng chung nên quả với pháp biến hành, thường tùy theo nhau không tách rời nhau, không có trước - sau mà rất gần gũi, cũng là nhân biến hành đạt được; không cùng chung nên quả với biến hành, không luôn luôn tùy theo nhau cũng không phải là không tách rời nhau, hoặc là trước-hoặc là sau không phải là rất gần gũi, như võ cây đối với cây, cho nên tướng đạt được ấy không phải là nhân biến hành.

Hỏi: Vì sao chỉ đối với pháp do kiến Khổ-Tập mà đoạn, thiết lập có tùy miên biến hành, chứ không phải là đối với pháp do kiến Diệt-Đạo mà đoạn?

Đáp: Luận sư về A-tỳ-đạt-ma trước kia nói rằng: Bởi vì đây là tổng loại của nó, nghĩa là các pháp do kiến Khổ-Tập mà đoạn, là nhà cửa-nơi sinh ra-tộc tánh căn bản của tùy miên biến hành, chứ không phải là các pháp do kiến Diệt-Đạo mà đoạn. Có người nói: Bởi vì tùy miên trong này rất kiên cố, nghĩa là tùy miên do kiến Khổ-Tập mà đoạn, đều chung nên ý-chung nên việc làm, cho nên rất kiên cố, bởi vì kiên cố cho nên từ trong đó có thể thiết lập tùy miên biến hành, pháp do kiến Diệt-Đạo mà đoạn, không cùng chung nên ý, sự nghiệp đều khác nhau cho nên rất yếu kém, bởi vì yếu kém cho nên từ trong đó không thiết lập tùy miên biến hành. Như người trong thành ấp, nếu cùng chung nên ý - cùng chung nên sự nghiệp, thì chủ của thành ấp và những kẻ oán địch khác không có thể làm cho khuất phục được; nếu những người ấy không cùng chung nên ý - sự nghiệp đều khác nhau, thì họ sẽ bị làm cho khuất phục; ở đây cũng như vậy. Có người nói: Bởi vì Ngã kiến đã tiếp nhận duy trì trong này, nghĩa là ở tại nơi này nếu có Ngã kiến, thì pháp hữu lậu nối tiếp nhau tăng lên mạnh mẽ có thể thiết lập biến hành, pháp do kiến Tập mà đoạn tuy không có Ngã kiến mà có nuôi lớn, các pháp Ngã kiến có điều kiện như vậy chứ không phải là ở trong pháp do kiến Diệt - Đạo mà đoạn. Có người nói: Bởi vì duyên khắp nơi với quan hệ nhân quả hữu lậu, nghĩa là tùy miên do kiến Khổ - Tập mà đoạn, đều có thể duyên khắp nơi với nhân quả hữu lậu, cho nên thiết lập biến hành, nhưn tùy miên khác thì không như vậy. Có người nói: Bởi vì tùy miên này nhất định tăng trưởng đối với sở duyên, nghĩa là tùy miên do kiến Khổ - Tập mà đoạn đều duyên với hữu lậu, hễ duyên với hữu lậu là dần dần tăng trưởng, như người nhìn mặt trăng thì nhãn căn thêm ít lợi; nếu tùy miên do kiến Diệt - Diệt - Đạo mà đoạn, hoặc duyên với hữu lậu - hoặc duyên với vô lậu, duyên với vô lậu thì hễ có sở duyên là dần dần

tổn giảm, như người nhìn mặt trời thì nhãn căn bị sút giảm; bởi vì không nhất định cho nên ở đây không thiết lập tùy miên biến hành. Có người nói: Ở đây có hai loại quan hệ của tùy miên, nghĩa là tùy miên do kiến Khổ - Tập mà đoạn đều do hai môn làm quan hệ của tùy miên:

1. Do sở duyên.
2. Do tương ứng.

Tùy miên do kiến Diệt và kiến Đạo mà đoạn, hoặc là do hai môn quan hệ của tùy miên, hoặc chỉ là tương ứng, bởi vì không quyết định, cho nên không có thể kiến lập tùy miên biến hành. Có người nói: Trong này quyết định an lập đầy đủ hai quan hệ, cho nên nghĩa như trước đã nói. Có người nói: bốn Bộ đều có hai loại Đạo, nghĩa là trong Bộ do kiến Khổ - Tập mà đoạn, có loại là biến hành, có loại không phải là biến hành; ở trong Bộ do kiến Diệt - Đạo mà đoạn, có loại duyên hữu lậu, có loại duyên vô lậu, cho nên không cần phải vặn hỏi. Có người nói: Tất cả tùy miên rơi vào hai loại này, nghĩa là tất cả các tùy miên đều thuộc về Khổ - Tập để thâm nhiếp, cho nên chỉ riêng hai Đế này có tùy miên biến hành. Có người nói: Nếu thấy Khổ - Tập là nhân của quả hữu lậu, thì các pháp căn bản yếu kém do kiên Diệt - Đạo mà đoạn, cho nên ở đó không thiết lập tùy miên biến hành. Có người nói: Không cần phải vặn hỏi, nghĩa là tùy miên biến hành chắc chắn có thể duyên với khắp nơi, chứ không phải là có duyên với khắp nơi trong pháp do kiến Diệt - Đạo mà đoạn.

Hỏi: Vì sao tham-sân-mạn do kiến Khổ-Tập mà đoạn lại không phải là biến hành?

Đáp: Bởi vì chúng đều không có tướng của biến hành. Nghĩa là biến hành thì có thể duyên với tất cả, nhưng ba loại ấy thì không như vậy. Có người nói: Bởi vì tự tướng của ba loại này do phiền não thâm nhiếp, nghĩa là cần phải thuộc về cộng tướng do phiền não thâm nhiếp thì có thể thiết lập biến hành. Thế nào là ba loại này đều là tự tướng do phiền não thâm nhiếp? Nghĩa là dấy khởi lòng tham thì hoặc là ở thân kia chứ không ở thân này, hoặc là ở thân này chứ không ở thân kia, đối với các phần thân cũng dấy khởi khác nhau, sân - mạn cũng như vậy, cho nên đều là tự tướng. Hữu thân kiến... trong nên sát-na bao gồm tất cả sinh... của nên cõi - nên nẻo, hoặc chấp là Ngã, hoặc chấp là Ngã sở, hoặc là cho đến ngu si tối tăm không biết gì, cho nên đều là cộng tướng. Có người nói: Bởi vì khó có thể bùng phát mạnh mẽ, nghĩa là trạng thái tham-sân khó có thể bùng phát mạnh mẽ, mà cần phải dựa vào vợ con-tài sản-kẻ thù hèn hạ, thì mới bùng phát mạnh mẽ; tùy miên biến hành

có thể dễ dàng bùng phát mạnh mẽ, bởi vì tùy ý vận dụng nối tiếp nhau như dòng sông chảy xiết. Có người nói: Kiến - nghi - vô minh có thể duyên với bốn Đế, từ trong đó có thể thiết lập tùy miên biến hành, tham - sân - mạn thì cả ba loại không có điều kiện như vậy, cho nên không thiết lập tùy miên biến hành.

Hỏi: Vì sao tham - sân - mạn do kiên Diệt - Đạo mà đoạn, kiến thủ - giới cấm thủ không phải là duyên vô lậu?

Đáp: Không cần phải vận hỏi, bởi vì duyên vô lậu không có tướng oán thù làm hại, vì tánh nhu hòa, vì hơn hẳn, vì thanh tịnh. Vì vậy, tham-sân... không phải là duyên vô lậu.

Cõi Dục có mười nên loại tùy miên biến hành, chín loại duyên nối thông với cõi khác, hai loại chỉ duyên với tự giới (cõi của mình), đó là Hữu thân kiến và Biên chấp kiến.

Hỏi: Vì sao hai kiến này không duyên với cõi khác?

Đáp: Bởi vì năng lực của cảnh sở duyên chỉ có như vậy. Lại nữa, bởi vì hai kiến này chỉ chuyển biến đối với pháp thô, nghĩa là hai kiến này chỉ đối với vật biểu hiện thô thiển, hiện thấy rõ các uẩn mà chấp Ngã và Ngã sở, mà cho là Đoạn-Thường. Nếu sinh ở cõi Dục thì đối với các uẩn vi tế của cõi Sắc-Vô sắc, không có thể trông thấy rõ ràng, cho nên không chấp làm Ngã và Ngã sở...

Hỏi: Nếu như vậy thì sinh ở cõi Sắc trông thấy rõ ràng các uẩn biểu hiện thô thiển của cõi Dục, vì sao không chấp làm Ngã và Ngã sở...?

Đáp: Bởi vì đã lìa nhiễm, nghĩa là sinh ở cõi Sắc, đối với uẩn của cõi Dục đã được lìa nhiễm, tuy trông thấy rõ ràng mà không chấp làm Ngã và Ngã sở... lại nữa, bởi vì phiền não của địa trên không duyên với địa dưới.

Hỏi: Nhờ vào luận mà phát sinh luận, vì sao phiền não của địa trên không duyên với địa dưới?

Đáp: Bởi vì đã lìa nhiễm của nơi ấy, nghĩa là cần phải lìa nhiễm của địa dưới rồi, mới dấy khởi phiền não của địa trên hiện rõ trước mắt, đối với pháp của địa dưới đã lìa nhiễm rồi, phiền não của địa trên lẽ nào lại duyên vào đó?

Hỏi: Làm thế nào biết được là cần phải lìa nhiễm của địa dưới, thì phiền não của địa trên mới có thể hiện rõ trước mắt?

Đáp: Như luận Thi Thiết nói: “Có sáu loại phi luật nghi, nghĩa là hệ thuộc ba cõi đều có hai loại:

1. Tương ứng.

## 2. Không tương ứng.

Lúc phi luật nghi tương ứng với cõi Dục hiện rõ trước mắt, thì sáu loại phi luật nghi thành tựu, bốn loại phi luật nghi cũng hiện rõ trước mắt, nghĩa là hai lại của cõi Dục, cõi Sắc - Vô sắc đều là không tương ứng. Lúc phi luật nghi tương ứng với cõi Sắc hiện rõ trước mắt, thì bốn loại phi luật nghi thành tựu, ba loại phi luật nghi cũng hiện rõ trước mắt, nghĩa là hai loại của cõi Sắc và không tương ứng của cõi Vô sắc. Lúc phi luật nghi tương ứng với cõi Vô sắc hiện rõ trước mắt, thì hai loại phi luật nghi thành tựu, cũng hiện rõ trước mắt, nghĩa là hai loại của cõi Vô sắc. ” Trong này pháp nhiệm gọi là phi luật nghi. Vì vậy cho nên biết cần phải lìa nhiệm của địa dưới thì phiền não của địa trên mới hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Vì sao phiền não của cõi Dục có thể duyên với cõi Sắc và Vô sắc, mà phiền não của hai cõi kia không thể có duyên với cõi Dục?

Đáp: Cõi Dục là cõi không nhất định, không phải là phạm vi của tu, không phải là phạm vi của lìa nhiệm, không có thể nhiếp và điều phục tùy miên của tự giới, cho nên cần phải vượt qua mà duyên với cõi Sắc và Vô sắc; cõi Sắc và Vô sắc là cõi nhất định, là phạm vi của tu, là phạm vi của lìa nhiệm, có năng lực dễ dàng thâm nhiếp và điều phục tùy miên của tự giới, cho nên hai cõi ấy không thể nào vượt qua mà duyên với địa dưới. Như người không có năng lực thâm nhiếp và điều phục thâm nhiếp, thì thâm nhiếp được dịp cùng với người khác làm điều phi pháp, nếu khéo léo thâm nhiếp và điều phục thì thậm chí không có thể đưa mắt liếc nhìn, huống là làm điều phi pháp hay sao? Ở đây cũng như vậy.

Lại nữa, người sinh ở cõi Dục đối với các uẩn của hai cõi trên, họ còn dự là có phải là khổ hay không phải là khổ? Có phải là tập hay không phải là tập? Là bất nhất hay không phải là bất nhất? Là thanh tịnh hay không phải là thanh tịnh? Bởi vì không hiểu rõ ràng cho nên phiền não của cõi Dục cần phải duyên với cõi trên. Nếu sinh ở cõi trên thì đối với các uẩn của cõi dưới đã trông thấy rõ ràng, cho nên không có gì do dự, vì vậy phiền não của cõi trên không duyên với cõi dưới. Lại nữa, nếu phiền não của cõi Sắc và cõi Vô sắc duyên với cõi Dục thì cần phải là tụy tăng. Nếu như tùy tăng thì cõi sẽ tạp loạn, cho nên phiền não của hai cõi ấy không duyên với cõi Dục.

Hỏi: Như phiền não của cõi Dục tuy duyên với cõi trên ma không tùy tăng, phiền não của cõi trên vì sao không như vậy?

Đáp: Uẩn của cõi trên mạnh hơn, cho nên phiền não của cõi Dục tuy duyên vào đó mà dấy khởi nhưng không tùy tăng ; uẩn của cõi Dục

kém hơn, cho nên phiền não của cõi trên, nếu duyên vào đây mà dấy khởi thì sẽ tùy tăng. Như người thấp kém đối với người cao quý, tuy có thể trông thấy rõ ràng mà không có thể làm tổn hại; nếu người cao quý gặp người thấp kém thì có thể làm cho tổn hại. Ở đây cũng như vậy.

Cõi sắc cũng có mười nên loại tùy miên biến hành, chín loại duyên nối thông với cõi khác, hai loại chỉ duyên với cõi của mình. Cõi Vô sắc cũng có mười nên loại tùy miên biến hành, nhưng đều là duyên với cõi của mình chứ không duyên với cõi khác, bởi vì không có cõi trên mà cũng không duyên với cõi dưới. Có người nói: Cũng có duyên với cõi khác, ngưng mà có thể duyên với định chứ không phải là hiện khởi định.

**Lời bình:** Người ấy không nên đưa ra cách nói như vậy, đã không có cõi trên thì có duyên vào, thì làm thế nào có thể có duyên với định? Vì vậy nói không có thì đối với lý là thích hợp.

Tính lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ đều có mười nên loại tùy miên biến hành, chín loại duyên nối thông với địa khác, hai loại chỉ duyên với địa của mình. Phi tưởng Phi Phi tưởng xứ cũng có mười nên loại tùy miên biến hành, nhưng đều là duyên với địa của mình, bởi vì không có địa trên mà cũng không duyên với địa dưới. Có người nói: Cũng có duyên với địa khác, nhưng mà có thể duyên với định chứ không phải là hiện khởi định.

**Lời bình:** Người ấy không nên đưa ra cách nói như vậy, đã không có địa trên có thể duyên vào, thì làm sao có thể có duyên với định? Vì vậy nói không có thì đối với lý là thích hợp.

